

## THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trương Tấn Đạt<sup>1\*</sup>, Trần Thụy Như Phượng<sup>1</sup>

**Tóm tắt.** Quan điểm đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với các cơ sở đào tạo giáo viên. Mục tiêu đổi mới đào tạo giáo viên phải xuất phát từ việc đổi mới cách tiếp cận và thực hiện mục tiêu giáo dục theo hướng là phát triển phẩm chất và năng lực người học, trên tinh thần đổi mới giáo dục toàn diện. Để đáp ứng được những yêu cầu đó, việc đánh giá thực trạng đào tạo và đề xuất các giải pháp tái cấu trúc các cơ sở đào tạo giáo viên trung học phổ thông trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là rất cần thiết và cấp bách. Bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng đào tạo giáo viên trung học phổ thông của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, từ đó, là căn cứ khoa học cho những giải pháp sau này hướng đến tái cấu trúc các cơ sở đào tạo giáo viên theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo.

**Từ khóa:** Đào tạo, đào tạo giáo viên, Đồng bằng sông Cửu Long, trung học phổ thông.

### 1. Đặt vấn đề

Toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện có 43 trường đại học, cao đẳng (trong đó có 17 trường đại học, 26 trường cao đẳng), số trường có đào tạo giáo viên là 16 trường, trong đó có 06 cơ sở đào tạo giáo viên trung học phổ thông: Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học An Giang, Trường Đại học Kiên Giang, Trường Đại học Bạc Liêu và Trường Đại học Trà Vinh. Theo thống kê, Trường Đại học Đồng Tháp đào tạo 16 ngành giáo viên trung học phổ thông, Trường Đại học Cần Thơ là 12 ngành, Trường Đại học An Giang là 9 ngành, các trường còn lại từ 1 đến 3 ngành, trong đó, Trường Đại học Kiên Giang mở mới một ngành đào tạo giáo viên Toán vào năm 2015.

Theo báo cáo kiểm định của các trường, tỷ lệ sinh viên đào tạo ngành giáo viên trung học phổ thông ra trường có việc làm đúng ngành nghề sau một năm chiếm tỷ lệ từ 60% - 70%. Chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp, hầu hết các trường xét điểm trúng tuyển bằng điểm sàn của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, chỉ riêng Trường Đại học Cần Thơ xét điểm trúng tuyển có cao hơn điểm sàn từ 4 điểm đến 6 điểm tùy vào các ngành có số lượng thí sinh nộp hồ sơ đông.

Vì vậy, cần có những nghiên cứu về thực trạng đào tạo giáo viên trung học phổ thông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vấn đề việc làm của sinh viên tốt nghiệp, đánh giá năng lực đào tạo của các trường... để có những giải pháp tái cấu trúc các cơ sở đào tạo giáo viên theo hướng nâng

---

Ngày nhận bài: 17/09/2017. Ngày nhận đăng: 28/10/2017.

<sup>1</sup>Trường Đại học Đồng Tháp; e-mail: [truongtandatdht@gmail.com](mailto:truongtandatdht@gmail.com).

cao chất lượng đào tạo, giải quyết tốt vấn đề việc làm của sinh viên ngay sau tốt nghiệp, thích ứng ngay với Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và sách giáo khoa phổ thông mới.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. *Đánh giá các loại hình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trong các trường đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long*

Hầu hết các cơ sở đào tạo giáo viên trung học phổ thông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đều thực hiện theo 3 mô hình đào tạo:

(1) *Đào tạo giáo viên tại các trường sư phạm/khoa sư phạm theo phương thức truyền thống (mô hình song song)*, vừa đào tạo khoa học cơ bản/kiến thức chuyên ngành và vừa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, thời gian đào tạo chính là 4 năm. Tất cả các ngành đào tạo giáo viên trung học phổ thông đều đào tạo đơn ngành để giáo viên chuyên dạy một môn với khối lượng kiến thức nhiều hơn, là xu hướng chung để nâng cao chất lượng.

Các cơ sở đào tạo giáo viên trung học phổ thông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang tổ chức đào tạo theo hình thức tín chỉ và tất cả đều thực hiện loại hình đào tạo này. Bởi, hầu hết các cơ sở đào tạo đều đào tạo đa ngành, tỷ trọng giảng viên cơ sở trên số lượng sinh viên không cao và chương trình đào tạo giáo viên được thiết kế có tính liên thông giữa các trường thì loại hình này sẽ giải quyết bài toán "cân bằng" đội ngũ giữa các khóa đào tạo và giữa các ngành đào tạo trong nhà trường, kế hoạch năm học để xây dựng và chủ động trong tổ chức đào tạo.

(2) *Đào tạo giáo viên theo mô hình nối tiếp*. Về lý thuyết, mô hình này đào tạo về khoa học cơ bản/kiến thức chuyên ngành trước, sau đó đào tạo nghề sư phạm. Thời gian từ 01 năm đến 02 năm đầu sinh viên sẽ học kiến thức chuyên ngành, thời gian còn lại sinh viên chỉ tập trung đào tạo nghiệp vụ sư phạm và thực hành nghề nghiệp, theo mô hình này cũng thuận lợi cho sinh viên thay đổi nguyện vọng đăng ký học từ ban đầu.

Trên thực tế, hiện nay các cơ sở đào tạo giáo viên chưa xây dựng chương trình đào tạo và thực hiện quá trình đào tạo theo mô hình này cho các khóa tuyển sinh chính quy cho 4 năm đào tạo, mà chỉ thực hiện mô hình đào tạo này ở dạng: sinh viên đã tốt nghiệp một ngành đại học ngoài sư phạm, sinh viên sẽ học thêm chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm hoặc chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm ngắn hạn (3 tháng, 6 tháng), được cấp chứng chỉ sư phạm là có thể trở thành giáo viên trung học phổ thông. Đây là một giải pháp kịp thời cung cấp đội ngũ giáo viên một số ngành thiếu cấp bách cho địa phương. Tuy nhiên, theo đánh giá của các bộ môn, cán bộ quản lý trường trung học phổ thông thì số giáo viên này có hạn chế về năng lực sư phạm so với đào tạo theo mô hình song song.

(3) *Đào tạo theo hình thức liên thông (từ cao đẳng sư phạm lên đại học sư phạm)*, thường theo hình thức vừa làm vừa học. Phương thức này góp phần quan trọng trong việc chuẩn hóa trình độ hoặc nâng cao trình độ để thay đổi vị trí việc làm (từ giáo viên dạy cấp trung học cơ sở có thể lên dạy cấp trung học phổ thông).

Loại hình đào tạo này được thực hiện ở hầu hết các cơ sở đào tạo giáo viên có đào tạo đại học sư phạm, bởi lẽ các trường này được phép đào tạo trình độ đại học nên hầu hết các trường đều xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng sư phạm lên đại học sư phạm nhằm mục đích:

- Chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên của vùng theo nhu cầu của người học (giáo viên);

- Giải quyết trước mắt tình trạng thiếu cục bộ đội ngũ giáo viên trung học phổ thông, thì hình thức này đáp ứng việc đào tạo giáo viên trung học cơ sở lên dạy trung học phổ thông;

- Đào tạo loại hình này sẽ tăng chỉ tiêu, tăng số lượng người học dẫn đến tăng nguồn thu cho trường, đội ngũ giảng viên sẽ có thêm giờ dạy nhằm cải thiện cuộc sống.

Tuy nhiên, loại hình này còn gặp nhiều hạn chế:

- Chương trình đào tạo liên thông này được xây dựng đào tạo trong 2 năm học, học theo hình thức vừa làm vừa học (học thứ bảy, chủ nhật và hai tháng nghỉ hè), các học phần trong chương trình đào tạo chủ yếu xây dựng các môn học thuộc kiến thức ngành và cơ sở ngành (có xem xét tính kết nối kiến thức từ cao đẳng lên đại học), có rất ít hoặc thiếu hẳn khối kiến thức về kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm trong dạy học cấp trung học phổ thông, không có thời gian để thực hiện tập giảng, kiến tập và thực tập sư phạm dẫn đến năng lực dạy học ở cấp trung học phổ thông còn nhiều hạn chế và không chính quy như loại hình đào tạo thứ nhất và thứ hai.

- Các trường không thực hiện công tác dự báo nhu cầu đào tạo, dẫn đến nhu cầu đào tạo theo hình thức chuyển đổi vị trí việc làm (từ giáo viên trung học cơ sở lên dạy trung học phổ thông) dư so với nhu cầu của thực tiễn, trong khi sinh viên đại học sư phạm chính quy ra trường chưa xin được vào cơ sở giáo dục để dạy còn khá cao.

- Chất lượng đào tạo của loại hình này còn nhiều hạn chế vì năng lực của người học thấp (thi vào đại học sư phạm không đỗ, xét tuyển vào cao đẳng để học cao đẳng sư phạm).

## 2.2. Công tác tuyển sinh

Các trường chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm bao gồm: xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh; tư vấn tuyển sinh; thi, xét tuyển. Hầu hết các cơ sở đào tạo giáo viên trung học phổ thông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long đều thực hiện hình thức thi tuyển theo đề thi chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 02/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 về ban hành Quy chế thi trung học phổ thông Quốc gia, kể từ năm 2015, các trường đại học trong vùng không tổ chức thi tuyển sinh riêng mà sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia để xét tuyển vào trường. Trước đây các trường đại học trực thuộc tỉnh (Trường Đại học Trà Vinh, Đại học Bạc Liêu, Đại học Tiền Giang, Đại học An Giang) chỉ được phép tuyển sinh thí sinh có hộ khẩu trong tỉnh hoặc trong tỉnh và thí sinh ở tỉnh lân cận (giáp ranh), Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Đồng Tháp được phép tuyển sinh trong cả nước, đến năm 2015 được sử dụng kết quả thi trung học phổ thông Quốc gia để xét tuyển đại học, cao đẳng, hầu hết các trường đều được phép tuyển sinh trong cả nước.

Theo thống kê trên thì số lượng sinh viên vào học các ngành đào tạo giáo viên trung học phổ thông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng giảm dần tính trên mặt bằng chung của cơ sở đào tạo giáo viên (năm 2015 trúng tuyển nhiều hơn vì Trường Đại học Kiên Giang mới thành lập và tuyển được 80 chỉ tiêu), kể cả các trường đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh cũng giảm theo từng năm, trong đó Trường Đại học Đồng Tháp tuyển được 10 ngành đào tạo giáo viên trung học phổ thông (trung bình 30 sinh viên/lớp), Trường Đại học Cần Thơ tuyển được 09 ngành đào tạo giáo viên trung học phổ thông (trung bình 40 sinh viên/lớp). Nếu tính riêng trong năm 2016, toàn vùng đào tạo 1,359 sinh viên đại học sư phạm, đến năm 2020 chia tỷ lệ trung bình mỗi Tỉnh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long sẽ có 105 giáo viên trung học phổ thông ra trường mới, đây là vấn đề khó khăn trong đầu ra của sinh viên để có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp (hiện tại Đồng Tháp chỉ tuyển trung bình 10 giáo viên trung học phổ thông/năm; Cà Mau tuyển trung bình 20 giáo viên

trung học phổ thông/năm, Cần Thơ sẽ không tuyển giáo viên ngoài tỉnh từ năm học 2018-2019).

*Bảng 1. Thống kê số lượng sinh viên trúng tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên trung học phổ thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long*

Tên trường	Năm				
	2012	2013	2014	2015	2016
Trường Đại học Đồng Tháp	344/800	441/800	604/1.000	802/1.200	328/950
Trường Đại học Cần Thơ	1,256/1,500	1,003/960	801/880	763/760	612/590
Trường Đại học An Giang	321/300	319/300	198/450	264/450	212/450
Trường Đại học Kiên Giang	0	0	0	80/150	100/150
Trường Đại học Trà Vinh	42/50	39/50	37/50	35/50	49/50
Trường Đại học Bạc Liêu	31/60	67/60	142/150	71/150	58/90
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,994</b>	<b>1,869</b>	<b>1,782</b>	<b>2,015</b>	<b>1,359</b>

*Nguồn: Phòng Đào tạo các trường*

### 2.3. Đánh giá đội ngũ giảng viên

Việc xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên được các cơ sở đào tạo giáo viên quan tâm và đầu tư đúng mức, giảng viên tham gia giảng dạy các ngành đào tạo giáo viên trung học phổ thông đa số có trình độ từ thạc sĩ trở lên tham gia giảng dạy, số giảng viên có trình độ đại học hầu hết không được bố trí giảng dạy mà làm trợ giảng và đi học sau đại học để chuẩn hóa đội ngũ.

*Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên cơ hữu của các cơ sở đào tạo giáo viên*

Tên trường	Tổng số giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo	Trình độ				Số giảng viên phương pháp
		GS, PGS	TS	ThS	ĐH	
Trường Đại học An Giang	148	02	12	114	20	28
Trường Đại học Bạc Liêu	55	0	04	41	10	10
Trường Đại học Cần Thơ	209	05	41	143	20	31
Trường Đại học Đồng Tháp	161	03	42	99	17	36
Trường Đại học Kiên Giang	09	01	0	08	0	04
Trường Đại học Trà Vinh	24	04	08	12	0	03

*Nguồn: Phòng Tổ chức - cán bộ các trường, 6/2017*

Bảng 2 cho thấy, đội ngũ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên ở các cơ sở đào tạo giáo viên của vùng khá cao (Trường Đại học Cần Thơ chiếm 90,4%, Đại học Đồng Tháp chiếm 89,44%, Đại học An Giang chiếm 86,5%). Tuy nhiên, cũng theo thống kê cho thấy đội ngũ giảng viên phương pháp dạy học chiếm tỷ lệ rất ít ở một số trường có quy mô đào tạo lớn (Trường Đại học Đồng Tháp, Đại học Cần Thơ và Đại học An Giang). Trường Đại học Đồng Tháp có 36 giảng viên phương pháp dạy học (chiếm 22,3%) nhưng đào tạo 16 ngành đại học sư phạm, tính trung bình chỉ có 2,25 giảng viên phương pháp/ngành đào tạo; Trường Đại học Cần Thơ có 31 giảng viên phương pháp dạy học (chiếm 14,8%) nhưng đào tạo 12 ngành, tính trung bình chỉ có 2,58 giảng viên phương pháp/ngành đào tạo; Trường Đại học An Giang có 28 giảng viên phương pháp dạy học (chiếm 18,9%) nhưng đào tạo 09 ngành, tính trung bình chỉ có 3,1 giảng viên phương pháp/ngành đào tạo. Nếu theo tỷ lệ đội ngũ giảng viên phương pháp dạy học như hiện trạng sẽ rất khó cho các trường trong việc thiết kế lại chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm và tăng thời lượng đào tạo nghiệp vụ sư phạm trong thời gian tới nếu không có chiến lược cấp bách trong phát triển đội ngũ.

## 2.4. Nhận định, đánh giá tổng quát về thực trạng đào tạo giáo viên trung học phổ thông trong trường đại học ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

### 2.4.1. Những điểm mạnh và cơ hội

Công tác phát triển đội ngũ giảng viên được các trường quan tâm và đầu tư. Các trường đại học trong vùng có tỷ lệ giảng viên trẻ cao, đó là lực lượng có năng lực, có hoài bão, giàu nhiệt tình, ham học hỏi, được đào tạo chính qui, hiện đại, đang vươn lên tầm trình độ cao và khát khao khẳng định mình. Để tiếp sức cho sự phát triển, các trường đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước khai thác tốt những giảng viên có học hàm từ nhiều trường đại học lớn trong nước, vừa làm nhiệm vụ thỉnh giảng, vừa hỗ trợ bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trẻ. Cũng xuất phát từ lực lượng trẻ, nên các trường đại học trong vùng đã có sự chuyển biến khá rõ nét trong những năm qua ở giảng viên về thực hiện chủ trương đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá một cách nhanh nhạy. Các trường đã có sự chỉ đạo tập trung theo hướng giảng dạy phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của người học, lấy người học làm trung tâm; bước đầu quan tâm việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong dạy học thông qua sử dụng các phòng học bộ môn. Thực hiện hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ đã được các trường trong vùng triển khai gần 10 năm đã và đang đạt được những tiến bộ vượt bậc nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Hoạt động hợp tác quốc tế đang tạo ra nhiều cơ hội cho các trường trong việc đào tạo, bồi dưỡng và trao đổi đội ngũ giảng viên; chia sẻ kinh nghiệm phát triển chương trình đào tạo và ký kết các dự án phi chính phủ nhằm đầu tư cho nhà trường phát triển.

Hoạt động kiểm định và đánh giá ngoài nhà trường đã được các cơ sở giáo dục đại học triển khai tích cực. Đây là công cụ để kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường với đơn vị sử dụng lao động, đồng thời mở ra nhiều cơ hội trong việc hợp tác liên kết đào tạo với các trường đại học quốc tế.

Khoảng cách về kinh tế, văn hóa, xã hội giữa Đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực khác ngày càng thu hẹp; sự bùng nổ của thông tin, giao lưu, hợp tác ngày càng mở rộng đã tạo cơ hội cho đội ngũ giảng viên, sinh viên có cơ hội học tập, hợp tác để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đòi hỏi.

Với cơ chế quản lý mở của các trường đại học, đã tạo nên sự thông thoáng và nổi kết chặt chẽ nhà trường với cơ quan chủ quản, chính quyền địa phương và các cơ sở giáo dục phổ thông. Thêm vào đó, với cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học hiện nay, thực sự là cơ hội góp phần nâng cao và đảm bảo chất lượng đào tạo với xã hội.

### 2.4.2. Những điểm yếu và thách thức

*- Mô hình và hình thức đào tạo chưa phù hợp.*

Mô hình đào tạo và hình thức đào tạo hiện nay của các cơ sở đào tạo giáo viên vẫn chưa thoát khỏi lối truyền thống, dẫn đến hoạt động thực hành, thực tập nghề nghiệp của sinh viên vẫn theo lối mòn, thường hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được bắt đầu vào cuối năm thứ 2 hoặc đầu năm thứ 3. Hoạt động thực tập nghề nghiệp được thực hiện từ 06 đến 10 tuần vào học kỳ cuối của khóa học.

Việc xây dựng chuẩn đầu ra các ngành đào tạo của một số trường chủ yếu mang tính định tính, chung chung, khó đo lường. Mức độ yêu cầu của chuẩn đầu ra chưa thật sự phù hợp với mục tiêu. Một số ngành học, chuẩn đầu ra được điều chỉnh, bổ sung về kiến thức, kỹ năng, thái độ nhưng

mục tiêu đào tạo ngành học không thay đổi tương ứng.

Nội dung, chương trình đào tạo chưa theo kịp quá trình đổi mới giáo dục phổ thông, chủ trương đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông sau năm 2015 đã được thể chế hóa thành các văn bản và chỉ đạo của ngành, kể cả Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã được thông qua, tuy nhiên sự trở bộ của các cơ sở đào tạo giáo viên trong việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo để đáp ứng thực tiễn còn khá lúng túng và chưa có kế hoạch, đặc biệt là xây dựng chuẩn đầu ra hay năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm đáp ứng được chương trình giáo dục phổ thông tổng thể vào năm 2018.

*- Công tác dự báo trong đào tạo chưa được quan tâm đúng mức.*

Công tác dự báo nhu cầu đào tạo giáo viên trung học phổ thông và đào tạo theo nhu cầu của xã hội chưa được các cơ sở đào tạo quan tâm, bởi không một cơ sở đào tạo nào đào tạo theo nhu cầu dự báo vì thực tế hiện nay nhu cầu đào tạo ít trong khi đội ngũ giảng viên đông, từ đó sẽ không có việc làm cho ổn định cho giảng viên và ảnh hưởng đến thu nhập. Đây chính là "nút thắt" thực tế trong các cơ sở đào tạo giáo viên trong toàn vùng hiện nay.

Mặt khác, công tác dự báo và thực hiện dự báo về đào tạo nguồn nhân lực chưa được Bộ, ngành triển khai triệt để, trong đó có ngành Giáo dục và Đào tạo và chưa có những chuyển biến tốt hơn trong dự báo đào tạo giáo viên. Bởi công tác dự báo phải đi đôi với những hành động cụ thể để thực hiện dự báo trong việc giao nhiệm vụ và chỉ tiêu đào tạo là giải pháp phù hợp với bối cảnh hiện nay.

*- Chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên chưa tương xứng với nhiệm vụ đảm nhận.*

Các cơ sở đào tạo sư phạm địa phương đang thiếu giảng viên đầu ngành trình độ cao, thừa giảng viên trình độ trung bình và thấp, sự hẫng hụt đội ngũ giảng viên đầu ngành với thể hệ giảng viên kế cận. Tỷ lệ giảng viên trẻ quá cao, kéo theo kinh nghiệm và năng lực về thành tựu giảng dạy và nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Năng lực ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh của nhiều giảng viên còn hạn chế; dẫn đến khả năng tự học, tự nghiên cứu, sử dụng internet để khai thác thông tin gặp rất nhiều khó khăn. Nhiều trường đang thiếu những giảng viên giỏi, những nhà khoa học đầu ngành có khả năng tự xác lập các quan hệ giao lưu đa dạng, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học với các nền đại học tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Ngoài ra, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang thuộc khu vực chậm phát triển, cách xa các trung tâm lớn của cả nước, đã gây ra tác động ngược chiều với sức thu hút từ các trường đại học, nên việc thu hút các giảng viên có học hàm, học vị cao về công tác nơi đây là gần như không thể mà ngược lại, các giảng viên có học vị tiến sĩ lại lần lượt chuyển công tác về các trường ngoài khu vực Đồng bằng sông Cửu Long để có cơ hội phát triển hơn.

Nghề giáo viên không phải là nghề có thu nhập tốt, từ đó không thu hút lượng lớn học sinh vào học, kể cả không thu hút được học sinh giỏi. Từ đó đầu vào tuyển sinh (năng lực học sinh) vào các ngành sư phạm thấp hơn các ngành ngoài sư phạm. Chính hạn chế này đã ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động đào tạo trong môi trường đại học và lòng yêu nghề của giáo viên tương lai.

*- Nguồn lực tài chính hạn chế.*

Hiện nay, không còn nhiều dự án của Chính phủ, ngành về đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị cho các trường đại học công lập, từ đó, ảnh hưởng rất lớn đến quy mô phát triển của các cơ sở đào tạo giáo viên bởi đào tạo sư phạm không thu học phí và không có nguồn tài chính để đầu tư thiết bị dạy học đầy đủ và hiện đại, các trường phải tập trung nguồn lực phát triển các ngành ngoài sư

phạm. Từ đó, ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng đào tạo sư phạm.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên trong các cơ sở đào tạo giáo viên hiện nay chủ yếu sử dụng kinh phí sự nghiệp của các trường và chỉ hỗ trợ một phần cho giảng viên, dẫn đến việc phát triển đội ngũ giảng viên của các trường hiện cũng còn gặp nhiều khó khăn.

### 3. Kết luận

Từ phân tích thực trạng, chúng tôi mạnh dạn đề xuất việc tái cấu trúc đào tạo giáo viên trung học phổ thông của vùng Đồng bằng sông Cửu Long như sau:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xem xét giao nhiệm vụ và chỉ tiêu đào tạo giáo viên trung học phổ thông cho hai cơ sở đào tạo trọng điểm trong vùng dựa vào việc khảo sát và đánh giá năng lực đào tạo, các cơ sở còn lại là hệ thống vệ tinh của hai trường này trong đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Để đánh giá năng lực của các cơ sở đào tạo cần dựa trên các tiêu chuẩn:

1. Cơ sở đào tạo đã được kiểm định trường và đạt chuẩn kiểm định trường, có kế hoạch tiến tới kiểm định ngoài một số chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông.
2. Được giao nhiệm vụ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.
3. Có đội ngũ đảm bảo chuẩn và trên chuẩn về trình độ và năng lực giảng dạy đại học.
4. Có ít nhất 10 năm đào tạo giáo viên trung học phổ thông cho cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
5. Cam kết đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành nghề đào tạo đạt từ 85% trở lên.
6. Xây dựng đề án và chuyển đổi mô hình quản trị nhà trường theo hướng tự chủ hoàn toàn.
7. Trường đã triển khai Thư viện điện tử, có kết nối chia sẻ nguồn tài nguyên với các Thư viện khác ở trong và ngoài nước.
8. Có hoạt động hợp tác với các trường đại học quốc tế về đào tạo giáo viên.
9. Có hệ thống phản hồi từ các bên có liên quan về các tiến bộ học tập, các trải nghiệm và cải tiến chất lượng học tập, có phương pháp thực hiện các phản hồi này và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.
10. Môi trường trực tuyến của cơ sở đào tạo giáo viên đảm bảo các khóa đào tạo trực tuyến và thực hành giảng dạy ảo được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo không giao chỉ tiêu cho các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên trung học phổ thông đào tạo trình độ cao đẳng sư phạm. Trình độ đào tạo cao đẳng sư phạm được giao cho các trường cao đẳng sư phạm trong vùng. Tuy nhiên, toàn vùng hiện tại có 04 trường cao đẳng sư phạm, việc giao nhiệm vụ đào tạo và tái cấu trúc các trường cũng cần phải có những giải pháp kịp thời, đồng bộ và dài hạn.

- Việc đào tạo liên thông trình độ cao đẳng sư phạm lên đại học sư phạm hoặc trung cấp sư phạm lên đại học sư phạm để chuẩn hóa đội ngũ, nâng chuẩn trình độ cho giáo viên đang tham gia dạy học theo nhu cầu của cá nhân và cơ sở giáo dục. Không thực hiện nhiệm vụ đào tạo liên thông để chuyển đổi nhiệm vụ dạy học (từ cấp I, cấp II lên dạy cấp III). Nếu kiểm soát tốt vấn đề này, bài

toán cung - cầu trong đào tạo giáo viên trung học phổ thông sẽ được giải quyết thỏa đáng.

- Xây dựng hệ thống liên trường trong đào tạo giáo viên trung học phổ thông (các trường trọng điểm và các trường vệ tinh) để thực hiện các nhiệm vụ chung: (1) Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm; (2) Xây dựng chung chương trình đào tạo; (3) Xây dựng mới các mã ngành đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; (4) Trao đổi giảng viên cơ hữu; (5) Trao đổi học liệu; (6) Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và (7) Phát huy thế mạnh của từng trường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ban hành ngày 04/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, 14/10/2015.
- [2] Bộ GD&ĐT (2011), Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020, phê duyệt kèm theo Quyết định số 6290/QĐ-BGDĐT ngày 13/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- [3] Nguyễn Văn Đệ (2011), *Phát triển đội ngũ giảng viên các trường đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014). Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, 14/10/2015.
- [5] Phạm Đỗ Nhật Tiến (2013), *Đổi mới đào tạo giáo viên trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

### ABSTRACT

#### **The situation of teacher education for upper-secondary schools in Cuu Long River delta region**

The point of radical innovation and comprehensive reform of education and training is raising new demands to teacher training institutions. The target of teacher education innovation should be to innovate the approach and the realization of the educational goal in the direction of developing the quality and competence of learners with the spirit of comprehensive education reform. In order to meet these requirements, the assessment of the current status of training and the proposed solutions for the restructure of upper secondary teacher education institutions in the Mekong Delta are necessary and urgent.

**Keywords:** *Training, teacher education, Cuu Long River Delta, upper-secondary.*